

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG NINH
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bản án số: 36/2023/DS - ST
Ngày: 29 - 9 - 2023
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG NINH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đỗ Cao Thế,
- Ông Phạm Xuân Ninh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thủy, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Triều, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 36/2023/TLST- DS ngày 28/6/2023; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2023/QĐXXST- DS ngày 07/9/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 63/2023/QĐST- DS ngày 19/9/2023, giữa:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N (tên gọi viết tắt: A); địa chỉ: Số 18, đường T, khu đô thị M, huyện T, thành phố H; người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V; chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng A.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Quang Đ; chức vụ: Giám đốc chi nhánh Ngân hàng A huyện Q. Ủy quyền lại cho ông Võ Văn Q; chức vụ: Giám đốc Phòng Giao dịch D chi nhánh Ngân hàng A huyện Q; địa chỉ: Thôn D, xã G, huyện Q, tỉnh Quảng B, có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị T

Địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện Q, tỉnh Q, ông C có mặt, bà T vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/6/2023 và bản tự khai ngày 14/7/2023, nguyên đơn Ngân hàng N (tên gọi viết tắt: Ag); địa chỉ: Số 18, đường T, khu đô thị M, huyện T, thành phố H; người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V, chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng A; người đại diện theo ủy quyền ông Lê Quang Đ; chức vụ: Giám đốc chi nhánh A huyện Q. Ủy quyền lại cho ông Võ

Văn Q trình bày: Ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị T, địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện Q, tỉnh Q vay vốn tại Ngân hàng A Chi nhánh huyện Q, tỉnh Q theo Hợp đồng tín dụng số: 3803-LAV-202101387 ngày 07/6/2021 số tiền vay 1.700.000.000 đồng (Một tỷ, bảy trăm triệu đồng) theo Giấy nhận nợ ngày 07/6/2021 số tiền vay 1.000.000.000 đồng, Giấy nhận nợ ngày 15/6/2021 số tiền vay 700.000.000 đồng, kỳ hạn vay 60 tháng kể từ ngày 07/6/2021, lãi suất 10,5%/năm, lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất trong hạn; mục đích vay mua tàu cá đã qua sử dụng, ngư lưới cụ đánh bắt hải sản, bù đắp tài chính các khoản vốn đã sử dụng không quá 24 tháng; quá trình thực hiện hợp đồng, do ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng A kể từ ngày 08/6/2023, trong đó nợ gốc quá hạn là 340.000.000 đồng; Ngân hàng đã nhiều lần làm việc và yêu cầu ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị T thanh toán nợ cho Ngân hàng A nhưng vẫn không thực hiện. Vì vậy Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị T trả nợ số tiền tính đến ngày 29/9/2023 trong đó nợ gốc 1.360.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn 85.152.740 đồng, lãi quá hạn 2.879.016 đồng; tiếp tục chịu lãi theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng cho đến ngày trả hết nợ gốc; yêu cầu xử lý tài sản bên thế chấp mà ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị T (bên được cấp tín dụng) để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng, gồm:

Tài sản theo Hợp đồng thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tại thửa đất số 349, tờ bản đồ số 04, diện tích 300m² tại thôn C, xã H, huyện Q, tỉnh Q theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 905240 do UBND huyện Q cấp ngày 09/02/2007 mang tên Ông/bà Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị T, theo hợp đồng thế chấp số 392/2021/HĐTC ngày 07/6/2021 và Văn bản thỏa thuận thế chấp tài sản số 392/2021/VBTT ngày 07/6/2021 được công chứng tại Văn phòng Công chứng Kiến Giang về giao dịch hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 07/6/2021 để bảo đảm cho nghĩa vụ khoản vay 1.700.000.000 đồng.

Tại bản tự khai ngày 11/7/2023, bị đơn ông Nguyễn Văn C trình bày: Vào năm 2021 Ông/bà có vay tiền tại Ngân hàng A Chi nhánh huyện Q số tiền 1.700.000.000 đồng theo Giấy nhận nợ ngày 07/6/2021 số tiền vay 1.000.000.000 đồng, Giấy nhận nợ ngày 15/6/2021 số tiền vay 700.000.000 đồng, kỳ hạn vay 60 tháng kể từ ngày 07/6/2021, lãi suất 10,5%/năm, lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất trong hạn; mục đích vay mua tàu cá đã qua sử dụng, ngư lưới cụ đánh bắt hải sản, bù đắp tài chính các khoản vốn đã sử dụng không quá 24 tháng, để đảm bảo cho khoản vay vợ chồng đã thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền tại thửa đất số 349, tờ bản đồ số 04, diện tích 300m² tại thôn C, xã H, huyện Q, tỉnh Q theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 905240 do UBND huyện Q cấp ngày 09/02/2007. Quá trình thực hiện hợp đồng vợ chồng tôi đã trả lãi đến ngày 08/6/2023, trả nợ gốc 340.000.000 đồng, nay phía Ngân hàng yêu cầu tôi trả lãi phát sinh từ đó cho đến nay và tiền nợ gốc 1.360.000.000 đồng chúng tôi đồng ý, nhưng hiện nay vợ tôi bà Nguyễn Thị T vi phạm pháp luật nên đang bị tạm giam vì vậy đề nghị phía Ngân hàng A Chi nhánh huyện Q được gia hạn khoản vay trên để chúng tôi có điều kiện trả nợ,

trường hợp chúng tôi không trả hoặc trả không đủ số tiền Ngân hàng yêu cầu thì Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 24/8/2023; Về đất ở, thửa đất số 349, tờ bản đồ số 04 (Theo bản đồ địa chính năm 2020 nay thuộc thửa đất số 70, tờ bản đồ số 9, diện tích 447,6m²), diện tích 300m² tại thôn C, xã H, huyện Q, tỉnh Q, có tứ cận: Phía Bắc giáp đường giao thông có số đo 16,85m; phía Nam giáp đất Xã quản lý có số đo 16,5m; phía Tây giáp đường 569 có số đo 26,1m; phía Đông giáp thửa đất hộ ông Mai Xuân P có số đo 26,1m. Trên thửa đất có một ngôi nhà 02 tầng, tầng 01 diện tích 247,1m² đổ bằng, tầng 02 có diện tích 98,8m² xây kiên cố hoàn thiện, cửa sổ, cửa đi làm bằng gỗ có khung ngoại, nền lát gạch men, tường nhà cao không quá 4m, bếp và công trình phụ hoàn thiện; 01 nhà cấp 4, diện tích 141,9m² nhà xây tường cao không quá 4m, hoàn thiện đơn giản; hàng rào phía Bắc có chiều dài 14m, chiều cao 1,2m, hoàn thiện đơn giản, hàng rào phía Tây chiều dài 16,1m, chiều cao 1,2m và phần nối tiếp cao 1,67m đã hoàn thiện; mái che phía Đông làm bằng khung sắt, lợp tôn, diện tích (1,5m x 12,3m).

Chi phí Hội đồng xem xét thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp là 1.600.000 đồng, đại diện theo ủy tham gia tố tụng của nguyên đơn đã tạm nộp.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án được đảm bảo đúng thủ tục quy định.

Về nội dung, đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 5, Điều 147, Điều 227 và Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 12 của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; các điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 166, 167, 170 của Luật đất đai; các Điều 7, 8, 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, để xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A. Buộc ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng A Chi nhánh huyện Q số tiền 1.448.031.756 đồng, trong đó nợ gốc quá hạn 1.360.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 85.152.740 đồng, lãi quá hạn 2.879.016 đồng. Trường hợp ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị T không trả được nợ thì Ngân hàng Agribank được quyền phát mãi hoặc yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 392/2021/HĐTC ngày 07/6/2021 và Văn bản thỏa thuận thế chấp tài sản số 392/2021/VBTT ngày 07/6/2021 để thu hồi nợ. Kế tiếp sau ngày tuyên án sơ thẩm, bên phải thi hành án tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh đối với khoản nợ gốc chưa thi hành cho đến khi thanh toán xong theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên

tòa, căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa và ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Ngân hàng Agribank khởi kiện ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị T thanh toán tiền vay do vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng số 3803-LAV-202101387 ngày 07/6/2021, xác định đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng phát sinh trong hoạt động giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh và hộ gia đình; bị đơn ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị T có địa chỉ tại thôn C, xã H, huyện Q, tỉnh Q. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn bà Nguyễn Thị T được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đến phiên tòa hai lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Yêu cầu của nguyên đơn là buộc bị đơn trả đủ nợ gốc, nợ lãi (lãi trong hạn và lãi quá hạn) theo Hợp đồng tín dụng số: 3803-LAV-202101387 ngày 07/6/2021:

Theo lời trình bày của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án; các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi công khai tại phiên tòa cho thấy, ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị T đã ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng A số: 3803-LAV-202101387 ngày 07/6/2021 với số tiền vay 1.700.000.000 đồng (Một tỷ, bảy trăm triệu đồng) theo Giấy nhận nợ ngày 07/6/2021 số tiền vay 1.000.000.000 đồng, Giấy nhận nợ ngày 15/6/2021 số tiền vay 700.000.000 đồng, kỳ hạn vay 60 tháng kể từ ngày 07/6/2021, lãi suất 10,5%/năm, lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất trong hạn; mục đích vay mua tàu cá đã qua sử dụng, ngư lưới cụ đánh bắt hải sản, bù đắp tài chính các khoản vốn đã sử dụng không quá 24 tháng. Đối chiếu hợp đồng tín dụng và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án với lời khai của phía đại diện nguyên đơn, có căn cứ xác định ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng kể từ ngày 08/6/2023. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tạo điều kiện về mặt thời gian để cho ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị T và Ngân hàng thỏa thuận về việc giải quyết vụ án nhưng Ông/bà không có động thái gì về thực hiện nghĩa vụ của người vay, mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và các thông báo, Quyết định của Tòa án nhưng bị đơn ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị T vắng mặt và không có lý do, chứng tỏ phía bị đơn thiếu thiện chí trả nợ. Do đó, Ngân hàng Ag yêu cầu buộc ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị T phải thanh toán cả gốc và lãi (lãi trong hạn và lãi quá hạn) đến ngày xét xử (29/9/2023) là 1.448.031.756 đồng và tiếp tục chịu lãi phát sinh sau ngày tuyên án cho đến khi thi hành xong khoản tiền gốc là có căn cứ.

Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn: Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 3803-LAV-202101387 ngày 07/6/2021 mà hai bên đã ký kết, nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận lãi suất của hợp đồng vay lãi suất 10,5%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Thỏa thuận lãi suất này không vượt quá và đúng quy định của pháp luật tại thời điểm ký kết. Hội đồng xét thấy rằng, sau khi vay ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị T đã trả một phần nợ lãi cho Ngân hàng A Chi nhánh huyện Q; ngày 08/6/2023 ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị T không trả cho Ngân hàng A chi nhánh huyện Q là vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi đến hạn tại hợp đồng đã ký kết giữa các bên, nên Ngân hàng A chuyển thành nợ quá hạn và tính lãi suất theo mức lãi suất nợ quá hạn là phù hợp với quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng. Do ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị T không thực hiện trả gốc, trả lãi theo cam kết nên phải chịu tiền lãi và lãi quá hạn. Vì vậy, buộc ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị T phải trả cho Ngân hàng A số tiền đến ngày xét xử (29/9/2023) nợ lãi trong hạn 85.152.740 đồng, lãi quá hạn 2.879.016 đồng và phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh đối với khoản nợ gốc chưa thi hành cho đến khi thanh toán xong theo mức lãi suất (lãi chậm trả 150% lãi trong hạn) đã thỏa thuận trong hợp đồng tín số 3803-LAV-202101387 ngày 07/6/2021.

[2.2] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tại thửa đất số 349, tờ bản đồ số 04, diện tích 300m² tại thôn C, xã H, huyện Q, tỉnh Q theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 905240 do UBND huyện Q cấp ngày 09/02/2007 mang tên Ông/bà Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị T và tài sản gắn liền với đất là 01 ngôi nhà cấp 4 (02 tầng) được xây hoàn thiện, đã được xem xét thẩm định ngày 24/8/2023.

Hội đồng xét xử xét thấy, Hợp đồng thế chấp tài sản số 392/2021/HĐTC ngày 07/6/2021 và Văn bản thỏa thuận thế chấp tài sản số 392/2021/VBTT ngày 07/6/2021 được ký kết bởi người có thẩm quyền của Ngân hàng A với ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị T là hoàn toàn tự nguyện, giao dịch hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đảm bảo đúng trình tự quy định, nội dung hợp đồng phù hợp với các quy định của pháp luật có hiệu lực; Ngôi nhà cấp 4 (02 tầng) theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án ngày 24/8/2023, là tài sản xây dựng trước khi đã ký hợp đồng thế chấp nên thuộc tài sản thế chấp để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ theo khoản 1 Điều I của Hợp đồng thế chấp số 392/2021/HĐTC ngày 07/6/2021 và Văn bản thỏa thuận thế chấp tài sản số 392/2021/VBTT ngày 07/6/2021 nên Ngân hàng A yêu cầu xử lý để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[3] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp, yêu cầu nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Buộc Ông/bà Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị T phải hoàn trả cho Ngân hàng A số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 1.600.000đồng (Một triệu sáu trăm nghìn đồng).

[4] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng A được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với số tiền phải trả cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 299, 323, 357, 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự; Điều 5, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 90, 91, 95 và 98 **Luật các tổ chức tín dụng**; Điều 12 của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; các Điều 166, 167, 170 của Luật đất đai; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Agribank số tiền 1.448.031.756 đồng (*Một tỷ, bốn trăm bốn mươi tám triệu, không trăm ba mươi một nghìn, bảy trăm năm mươi sáu đồng*), trong đó nợ gốc quá hạn 1.360.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 85.152.740 đồng, lãi quá hạn 2.879.016 đồng.

Kể tiếp sau ngày tuyên án sơ thẩm (29/9/2023) bên phải thi hành án tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh từ số tiền nợ gốc chưa thi hành cho đến khi thanh toán xong theo mức lãi suất tại Hợp đồng tín dụng số: 3803-LAV-202101387 ngày 07/6/2021.

Trong trường hợp ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị T không trả nợ hoặc trả nợ không đủ thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền tại thửa đất thửa đất số 349, tờ bản đồ số 04, diện tích 300m² tại thôn C, xã H, huyện Q, tỉnh Q theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 905240 do UBND huyện Q cấp ngày 09/02/2007 mang tên Ông/bà Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị T, theo Hợp đồng thế chấp số 392/2021/HĐTC ngày 07/6/2021 và Văn bản thỏa thuận thế chấp tài sản số 392/2021/VBTT ngày 07/6/2021.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản: Buộc Ông/bà Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị T phải hoàn trả cho Ngân hàng A số tiền 1.600.000 đồng (*Một triệu sáu trăm nghìn đồng*).

3. Về án phí: Buộc Ông/bà Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 55.440.952 đồng (*Năm mươi lăm triệu, bốn trăm bốn mươi nghìn, chín trăm năm mươi hai đồng*).

Trả lại cho Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí 21.200.000 đồng (Hai mươi một triệu, hai trăm nghìn đồng) mà Ngân hàng Agribank đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Ninh theo biên lai số 31AA/2021/0004410 ngày 26/6/2023.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 29/9/2023; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS h. Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

Nguyễn Văn Châu

